

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 04 - 2024

V/v “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 610/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị P, sinh năm 1994 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

HKTT: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1992 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 11/07/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đặng Thị P** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lê Văn D** đi đến hôn nhân là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2013 tại **UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang**.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh **Lê Văn D**.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là **Lê Chí K**, sinh ngày 23/07/2013 hiện do anh **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đồng ý giao cháu **Lê Chí K** cho anh **D** tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh **Lê Văn D**: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh **D** không giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để được hướng dẫn giải quyết quy định pháp luật.*

*Tại phiên tòa: Chị **P** và anh **D** đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định chị **P** và anh **D** có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2013 tại **UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang** nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh chị chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh chị không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống. Do đó, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình của vợ chồng theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề



ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **Đặng Thị P** được ly hôn anh **Lê Văn D** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Lê Chí K**, sinh ngày 23/7/2013 hiện đang sống chung anh **D**. Chị **P** đồng ý giao cháu **Lê Chí K** cho anh **D** tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **K** (trên 07 tuổi). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu **K** cho anh **D** tiếp tục nuôi dưỡng. Chị **P** không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh **D** không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **P** và anh **D** không có yêu cầu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, nguyên đơn còn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị **Đặng Thị P** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Lê Văn D** và đồng ý giao con cho anh **D** nuôi dưỡng nên đây là tranh chấp Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn anh **Lê Văn D** có nơi cư trú tại, **huyện G, tỉnh Kiên Giang** nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị **Đặng Thị P** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh **Lê Văn D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **P** và anh **D** theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Lê Văn D** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh **Lê Văn D** không giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để được hướng dẫn giải quyết quy định pháp luật. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị P** yêu cầu được ly hôn với anh **Lê Văn D**. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có căn cứ xác định: Chị **P** và anh **D** có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2013 tại **UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang**. Nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh chị chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh chị không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống. Do đó, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình của vợ chồng theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **P** được ly hôn anh **D** là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Lê Chí K**, sinh ngày 23/07/2013 hiện đang sống chung anh **D**. Chị **P** đồng ý giao cháu **Lê Chí K** cho anh **D** tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **K** (trên 07 tuổi), theo bản tự khai ngày 12/02/2024. Đồng thời, qua xác minh ở địa phương được biết anh **D** có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu **K**, bảo đảm mọi mặt cho cháu về học tập và đời sống sinh hoạt như bao đứa trẻ khác.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ giao cháu **K** cho anh **D** tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **P** không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh **D** có không yêu cầu.

Chị **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **P** và anh **D** không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị **Đặng Thị P** phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị **P** đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002165 ngày



16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị **P** đã nộp đủ án phí theo quy định.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Đặng Thị P** được ly hôn với anh **Lê Văn D**.

2. Về con chung: Giao cháu **Lê Chí K**, sinh ngày 23/07/2013 cho anh **Lê Văn D** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Chị **P** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **K**, do anh **D** không yêu cầu.

Chị **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **P** và anh **D** không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Đặng Thị P** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị **P** đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0002165 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị **P** đã nộp đủ án phí theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị **Đặng Thị P** và anh **Lê Văn D** được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã (phường, thị trấn) nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Văn Hồng Chinh**